

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2024/HS-ST
Ngày 30 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hữu Thuần – Giáo viên trường Tiểu học và THCS Thụy Dương.

Ông Phan Văn Tiến – Trưởng Trạm y tế thị trấn Diêm Điền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 94A/2024/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên **Nguyễn Xuân S** sinh ngày 09/02/2008 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; giới tính: nam; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Nguyễn Văn S1 sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1981. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án: không.

Tiền sự: Quyết định số 3095 ngày 18/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, xử lý vi phạm hành chính (phạt cảnh cáo) về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/4/2024, đến ngày 17/4/2024 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

2. Họ và tên **Vũ Quang D** sinh ngày 23/8/2008, tại huyện P, tỉnh Hưng Yên; giới tính: nam; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; trình độ học vấn: 8/12, nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Vũ Văn N sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Q sinh năm 1974. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/4/2024, đến ngày 17/4/2024 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Xuân S: Ông Nguyễn Văn S1 sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1981; đều có nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (ông S1 vắng mặt, bà L có mặt)

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Quang D: Ông Vũ Văn N sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Q sinh năm 1974; đều có nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên (ông N vắng mặt, bà Q có mặt).

* Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Đào Quang N1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (có mặt)

* Người bị hại: Anh Phạm Hữu Điệp H sinh năm 2003 (vắng mặt).

Người giám hộ của bị hại: Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1977 (có mặt);
Đều có nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Đỗ Thị D1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1993; Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

* Đại diện Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt); Đại diện Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cuối tháng 3/2024, Vũ Quang D sinh ngày 23/8/2008, trú tại thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên đến thuê phòng trọ số 4 của gia đình bà Vũ Thị V, sinh năm 1955, trú tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình để tìm việc làm. Trong thời gian trọ tại đây, D quen biết và chơi với Nguyễn Xuân S, sinh ngày 09/02/2008, trú tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Khoảng 08 giờ ngày 10/4/2024, S đi xe mô tô nhãn hiệu DREAM, sơn màu tím (không xác định được biển kiểm soát) đến phòng trọ của D rủ D đi uống nước và chơi bi-a. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, S rủ D đi xe mô tô quanh địa bàn các xã T, T, mục đích xem ai có sơ hở thì sẽ trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và được D đồng ý. Khi S chở D đến đoạn đường gần cầu H, xã T thì gặp anh Phạm Hữu Điệp H, sinh năm 2003, trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (là người khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng) đi bộ trên đường. Do có quen biết anh H, S dừng xe, đến xin thuốc lá của anh H hút rồi rủ anh H về phòng trọ của D chơi. Anh H đồng ý. S chở D và anh H đến phòng trọ của D.

Khi về đến phòng trọ, S và D nằm chơi ở trên giường, còn anh H ngồi ở đệm lót chiếu cạnh giường chơi điện thoại. Khoảng 13 giờ cùng ngày, thấy anh H sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A78, màu đen, màn hình cảm ứng, trị giá 2.500.000 đồng, S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh H mang đi bán. S nói nhỏ vào tai D: “Bạn ơi, thằng kia có điện thoại ngon lắm, bạn nhảy đi” (ý bảo D lấy trộm điện thoại của anh H). D hiểu ý S và

nói: “Bạn ra nói chuyện trước đi”. Sang đây, đi đến vị trí anh H ngồi, dùng tay phải tát 02 cái vào mặt anh H. Anh H không phản ứng gì, chỉ quay mặt đi. S gọi D đến, cả hai dùng tay, chân đánh, đập nhiều cái vào anh H. Anh H nói: “Anh oi, tha cho em” nhưng cả hai vẫn tiếp tục đánh anh H. Sang rút chiếc thắt lưng da màu đỏ đang đeo ở thắt lưng quần ra, gấp đôi lại và đánh 01 cái vào bả vai, gần cổ anh H. Sau đó S vứt dây thắt lưng xuống giường rồi đi sang phòng trọ bên cạnh tìm dao. D tiếp tục nhặt dây thắt lưng lên và đánh vào người anh H. S cầm 01 dao (dạng dao gọt hoa quả dài 29,8cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao mũi nhọn) vào phòng, giơ lên, hướng về mặt anh H đe dọa: “Mày đưa điện thoại đây”. Anh H sợ phải đưa điện thoại cho S. S để dao xuống giường, tháo sim ra trả anh H. Anh H đòi lấy điện thoại để gọi cho người nhà thì S và D không đưa, D cầm dao lên đe dọa tiếp. Sau đó S cầm dao mang trả lại phòng trọ bên cạnh rồi quay lại phòng, đưa điện thoại vừa lấy được của anh H cho D để D xóa dữ liệu, tài khoản mạng xã hội, với mục đích khi đem bán không bị lộ (điện thoại của anh H không để mật khẩu, không cài đặt khóa màn hình). Sau đó, S đưa chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S của S cho D để D quay video quá trình S tra hỏi anh H, đe dọa, ép anh H phải nhận chiếc điện thoại của anh H là do anh H trộm cắp mà có (học cách làm trên mạng xã hội “Tiktok”). Sau đó, S đi xe mô tô chở D và anh H từ phòng trọ, khi đến gần Ủy ban nhân dân xã T thì dừng xe để anh H tự đi bộ về nhà. S chở D đi đến cửa hàng điện thoại di động của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn A, xã T, huyện T, D cầm điện thoại của anh H vào bán được 1.500.000 đồng. Cả hai sử dụng số tiền này để ăn uống, chi tiêu chung. Đến 17 giờ cùng ngày, anh Phạm Hữu Đ H và người giám hộ đến trình báo tại Công an xã T. Ngày 11/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Xuân S và Vũ Quang D.

Bản cáo trạng số: 98/CT-VKSTT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Xuân S và Vũ Quang D về tội “Cướp tài sản”. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân S và Vũ Quang D phạm tội “Cướp tài sản”

Hình phạt chính: Đối với bị cáo S: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Điều 58; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân S với mức án tù từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2024.

Đối với bị cáo D: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 98; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân S với mức án tù từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2024.

Do các bị cáo dưới 18 tuổi, chưa có thu nhập, tài sản có giá trị, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự chấp nhận sự thỏa thuận của đại diện bị hại và các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 dao dài 29,8cm, cán bằng gỗ, phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 18cm, mũi nhọn; 01 dây thắt lưng, kích thước (108 x 4)cm, mặt khóa thắt lưng bằng kim loại màu đen vàng, ở giữa in nổi hoa văn hình mặt.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326: Bị cáo D là trẻ em được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện VKSND huyện Thái Thụy, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện hợp pháp.

Đối với những người tham gia tố tụng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đều đã có lời khai đầy đủ, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án sự vắng mặt đó không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Xuân S, Vũ Quang D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, trong đó bị cáo S khởi xướng, thực hiện hành vi tích cực hơn. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, cả hai bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi (trong đó bị cáo S 16 tuổi, 02 tháng, 01 ngày; bị cáo D 15 tuổi 7 tháng 17 ngày). Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn trình báo; Biên bản ghi lời khai của người bị hại (*Bút lục số: 01, 126 đến 130, 132 đến 134*); Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 10/4/2024 (*Bút lục số 69 đến 71*); Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của anh Phạm Hữu Điệp H

do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 10/4/2024 (*Bút lục số: 116 đến 118*); Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự Ủy ban nhân dân huyện T (*Bút lục số: 73*); Biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (*Bút lục số: 225 đến 228*); Dữ liệu điện tử Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T quản lý (*Bút lục số 78*); Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các chứng cứ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 10/4/2024, tại phòng trọ số 4 của gia đình bà Vũ Thị V, sinh năm 1955, trú tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Xuân S và Vũ Quang D đã dùng vũ lực, dùng dao, dây thắt lưng đánh, đe dọa anh Phạm Hữu Điệp H, sinh năm 2003, trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (là người khuyết tật nặng), chiếm đoạt của anh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A78, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000 đồng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Xuân S, Vũ Quang D phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 168. Tội cướp tài sản

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác...;

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự:

[3.1] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Xuân S và Vũ Quang D thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Hữu Đ H bằng thủ đoạn dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho bị hại anh Phạm Hữu Đ H là người khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp hàng tháng của Nhà nước lâm vào tình trạng không thể chống cự được, xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái quy định của pháp luật nhưng vì mục đích muốn phục vụ nhu cầu cá nhân mà thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng rất xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều dưới 18 tuổi nên khi quyết định

hình phạt cần áp dụng Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo D có ông ngoại có công với cách mạng (Liệt sỹ), là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội đối với người khuyết tật nặng” quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng cũng xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Xét thấy bị cáo Nguyễn Xuân S và Vũ Quang D dưới 18 tuổi, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Hữu Điệp H đã nhận lại điện thoại di động; anh H chỉ bị xây xước ngoài da, không phải điều trị tại cơ sở y tế nào, anh và gia đình không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Gia đình các bị cáo đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000 đồng, anh T không yêu cầu bồi thường thêm gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[7] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc điện thoại di động và 01 vỏ hộp đựng điện thoại di động cho anh Phạm Hữu Đ H; các vật chứng còn lại Cơ quan điều tra quản lý của Vũ Quang D gồm 01 dao dài 29,8cm, cán bằng gỗ, phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 18cm, mũi nhọn (dao của gia đình bà Vũ Thị V); quản lý của Nguyễn Xuân S 01 dây thắt lưng, kích thước (108 x 4)cm, mặt khóa thắt lưng bằng kim loại màu đen vàng, ở giữa in nổi hoa văn hình mặt người là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo S phải chịu án phí hình sơ thẩm theo quy định, bị cáo D được miễn án phí hình sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo; người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47; Điều 50, Điều 98, Điều 99; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Các Điều 106;136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Xuân S, Vũ Quang D phạm tội “Cướp tài sản”.

1.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân S 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11 tháng 4 năm 2024.

1.2 Xử phạt bị cáo Vũ Quang D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11 tháng 4 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 dao dài 29,8cm, cán bằng gỗ, phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 18cm, mũi nhọn; 01 dây thắt lưng, kích thước (108 x 4) cm, mặt khóa thắt lưng bằng kim loại màu đen vàng, ở giữa in nổi hoa văn hình mặt người.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện T, tỉnh Thái Bình và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326: Miễn án phí Hình sự cho bị cáo Vũ Quang D; bị cáo Nguyễn Xuân S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/7/2024; người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại , người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bào chữa của bị cáo; người bảo

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;

- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Vũ Việt Hưng